

Bản án số: **579/2024/HS-PT**
Ngày: 28/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán:

Ông **Phạm Tôn**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Trang** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Chiến T** và các bị cáo khác bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023.

- Các bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

01. **Nguyễn Chiến T**, sinh năm 1955, tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: **F T, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **K**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn S** và bà **Nguyễn Thị Y** (cả hai đã chết); có vợ là **Phan Thị Thu H**, sinh năm 1959 và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”.

- Bản án số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, tổng hợp với hình phạt tù tại Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo

chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 năm tù.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại **Trại giam A1 - Bộ C1** (thời điểm trích xuất xét xử bị cáo đang bị giam giữ tại Trại tạm giam B14, **Quân khu E - Bộ Q** để phục vụ điều tra trong vụ án khác); có mặt tại điểm cầu trung tâm.

02. **Lê Đức V**, sinh năm 1965, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: **I T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh K**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê K**, sinh năm 1935 và bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1932; có vợ là **Nguyễn Thị Lệ D1**, sinh năm 1967 và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm các quy định về quản lý đất đai*”.

- Bản án số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”, tổng hợp với hình phạt tù tại Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 10 năm tù.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại **Trại giam Z - Bộ C1** (thời điểm trích xuất xét xử bị cáo đang bị giam giữ tại Trại tạm giam B14, **Quân khu E - Bộ Q** để phục vụ điều tra trong vụ án khác); có mặt tại điểm cầu trung tâm.

03. **Đào Công T1**, sinh năm 1962, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: nhà **số C C, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh K**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đào L** (chết) và bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1921; có vợ là **Võ Thị L1**, sinh năm 1963 (đã ly hôn năm 2019) và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm các quy định về quản lý đất đai*”.

- Bản án số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”, tổng hợp với hình phạt tù tại Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 10 năm tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 15/12/2021, hiện đang chấp hành án phạt tù tại **Trại giam A1 - Bộ C1** (thời điểm trích xuất xét xử bị cáo đang bị giam giữ tại Trại tạm giam B14, **Quân khu E - Bộ Q** để phục vụ điều tra trong vụ án khác), có đơn xin xét xử vắng mặt.

04. **Võ Tấn T2**, sinh năm 1961, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: **P chung cư B**

L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn M và bà Phạm Thị H1 (cả hai đã chết); có vợ là Lê Thị Như M1, sinh năm 1966 và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án số 326/2022/HS-PT ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”.

- Bản án số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, tổng hợp với hình phạt tù tại Bản án số 326/2022/HS-PT ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 6 năm tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 15/12/2021, hiện đang chấp hành án tại Trại giam X – Bộ C1 (thời điểm trích xuất xét xử bị cáo đang bị giam giữ tại Trại tạm giam B14, Quân khu E - Bộ Q để phục vụ điều tra trong vụ án khác), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ; địa chỉ trụ sở: A đường L, khu T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: bà Phan Quỳnh N1, sinh năm 1955; chức vụ: Tổng Giám đốc; nơi cư trú: A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ: Luật sư Trần Đức A, Văn phòng luật sư T3 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: A đường H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Đại diện Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Bộ: ông Đào Trung C – Phó Tổng cục trưởng T4, Bộ T5 làm Chủ tịch Hội đồng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khu đất tại địa chỉ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích là 20.112,1m², bao gồm 02 thửa đất liền kề nhau, do Công ty Cổ phần Đ1 và Trung tâm Điều dưỡng thuộc Tổng Công ty Đ2 quản lý, sử dụng. Trong đó, (1) Thửa đất do Công ty Cổ phần Đ1 quản lý, sử dụng có diện tích là 14.026,7m², nguyên là Nhà máy phát điện (Nhà máy Đ3) từ trước năm 1975, được ngành Điện tiếp quản và giao cho Điện lực Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ1) quản lý, vận hành từ năm 1975 đến nay; (2)

Thửa đất do Trung tâm Điều dưỡng thuộc **Tổng Công ty Đ2** quản lý, sử dụng có diện tích là 6.019,2m², được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Khánh Hòa cho thuê trả tiền hằng năm theo Quyết định thuê đất số 3771/QĐ-UB ngày 28/12/1998 và Hợp đồng thuê đất số 02/HĐ-TĐ ngày 12/01/1999, thời hạn thuê 20 năm, hợp đồng thuê đất hết hạn vào tháng 01/2019.

Theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Nhà máy điện Chhut thuộc diện phải di dời trong năm 2003-2004. Trên cơ sở Báo cáo số 1694/BC-STNMT ngày 14/10/2008 của **Sở T, UBND tỉnh K** đã có Văn bản số 7808/UBND ngày 18/12/2008, nội dung: “*Giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc với Công ty Cổ phần Đ1 đối với các trường hợp sau đây: (...) Yêu cầu có phương án di dời nhà máy điện tại nhà đất số B T...*”.

Khu đất có tổng diện tích 20.112,1m² tại **số B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** đã được quy hoạch sử dụng đất (theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10/4/2013 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn năm 2011- năm 2015, theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của **UBND tỉnh K** về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất **thành phố N** đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của **UBND tỉnh K** về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu của **phường V** giai đoạn năm 2011- năm 2015, được quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 theo Quyết định số 2035/QĐ-UB ngày 25/8/2009 của **UBND tỉnh K** về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 **khu dân cư P, thành phố N**). Theo đó, đất thuộc quy hoạch đất thương mại và dịch vụ là 9.010,3m² (phần tiếp giáp **đường T**, mật độ xây dựng từ 70-80%, tầng cao 8-10 tầng), đất thuộc khu vực quy hoạch đất ở đô thị là 8.124,7m² (phần phía sau, mật độ xây dựng 40-50%, tầng cao 2-3 tầng), đất thuộc khu vực quy hoạch giao thông là 2.971,1m². Theo Quyết định số 1396/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung **thành phố N** đến năm 2025, khu đô thị ven biển được phép xây dựng với mật độ khoảng 40% ưu tiên các hoạt động du lịch - dịch vụ, chiều cao xây dựng tối đa 40 tầng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 4200859766, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K** cấp lần đầu ngày 07/3/2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 07/02/2013; địa chỉ trụ sở chính tại **số A L, khu T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; ngành nghề kinh doanh: Khách sạn, bất động sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày...Ngày 02/01/2013, **Công ty TNHH Đ** có Văn bản số 001/CV-2013TP gửi **UBND tỉnh K** xin thỏa thuận địa điểm đầu tư Khách sạn, căn hộ du lịch cao cấp tại **số B T, thành phố N** tại khu đất hơn 14.000m² đang do **Công ty Cổ phần Đ1** quản lý, sử dụng.

Trong quá trình cho phép triển khai, thực hiện dự án tại **số B T, thành phố N** theo đề nghị của **Công ty TNHH Đ**, các bị cáo: (1) **Nguyễn Chiên T**, nguyên Chủ tịch **UBND tỉnh K**; (2) **Lê Đức V**, nguyên Phó Chủ tịch, nguyên Chủ tịch **UBND tỉnh K**;

(3) **Đào Công T1**, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh K; (4) **Võ Tấn T2**, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K, nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K đã có nhiều sai phạm trong việc lựa chọn nhà đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh đối với dự án xây dựng nhà ở; thỏa thuận phương án kiến trúc, quy hoạch; quyết định thu hồi đất; quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 137.740.168.200 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Chiến T 05** (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp với hình phạt 12 (mười hai) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2021.

- **Lê Đức V 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp với hình phạt 10 (mười) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2021.

- **Đào Công T1 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp với hình phạt 10 (mười) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2021 (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 15/12/2021).

- **Võ Tấn T2 04** (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (mười) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2021 (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 15/12/2021).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh K thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định

của pháp luật để thu hồi và quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất số B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã được giao, cho thuê đất cho Công ty TNHH Đ theo các Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 16-02-2016, Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Tách các yêu cầu hoàn trả, yêu cầu bồi thường dân sự liên quan đến khu đất bị thu hồi của các cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có) để khởi kiện thành một vụ án khác, nếu các bên có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp cưỡng chế, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 26/12/2023, Công ty TNHH Đ kháng cáo phần xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho Công ty tiếp tục quản lý, thực hiện dự án; đồng thời, tổ chức xác định lại giá đất theo quy định của pháp luật. Bởi nếu giao cho UBND tỉnh K như cấp sơ thẩm đã tuyên thì thiệt hại phát sinh đối với các yêu cầu về hoàn trả, bồi thường của các bên liên quan sẽ rất lớn; thiệt hại nhiều hơn so với việc tính lại giá đất và tiếp tục giao cho Công ty thực hiện dự án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Công ty TNHH Đ ngay tình, không có sai phạm trong quá trình thực hiện dự án.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2023 Công ty TNHH Đ kháng cáo phần xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự. Theo đó, Công ty TNHH Đ đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho Công ty tiếp tục quản lý, thực hiện dự án; đồng thời, tổ chức xác định lại giá đất theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Đ là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo Công ty TNHH Đ:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu giao cho Công ty TNHH Đ tiếp tục quản lý, thực hiện dự án, Hội đồng xét xử thấy:

Khu đất tại địa chỉ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích là 20.112,1m², bao gồm 02 thửa đất liền kề nhau, do Công ty Cổ phần Đ1 và Trung tâm Điều dưỡng thuộc Tổng Công ty Đ2 quản lý, sử dụng, gồm: (1) Thửa đất do Công ty Cổ phần Đ1 quản lý, sử dụng có diện tích là 14.026,7m², nguyên là Nhà máy phát điện (Nhà máy Đ3) từ trước năm 1975, được ngành Điện tiếp quản và giao cho Điện lực Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ1) quản lý, vận hành từ năm 1975 đến nay; (2) Thửa đất do Trung tâm Điều dưỡng thuộc Tổng Công ty Đ2 quản lý, sử dụng có diện tích là 6.019,2m², được UBND tỉnh K cho thuê trả tiền hằng năm theo Quyết định thuê đất số 3771/QĐ-UB ngày 28/12/1998 của UBND tỉnh K và Hợp đồng thuê đất số 02/HĐ-TĐ ngày 12/01/1999, thời hạn thuê 20 năm, hợp đồng thuê đất hết hạn vào tháng 01/2019.

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ, nhà máy Đ3 được xác định là cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và thuộc diện phải di dời địa điểm hoạt động. Tại khoản 1 Điều 3 Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch đô thị được ban hành kèm theo Quyết định số 86/2910/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định: “Áp dụng hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê tại vị trí cũ đối với việc sử dụng quỹ đất này để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch...”, đồng thời cũng xác định: “Đối tượng áp dụng, trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất tại vị trí cũ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai”. Tại Điều 5, Điều 6 của Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg và tại Thông tư số 81/2011/TT-BTC ngày 09/6/2011 của Bộ T6 hướng dẫn chi tiết Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg cũng quy định việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ theo hình thức đấu giá hoặc chỉ định.

Sau khi Công ty TNHH Đ có văn bản số 001/CV-2013TP xin thỏa thuận địa điểm đầu tư tại khu đất số B T, N đang do Công ty Cổ phần Đ1 quản lý. Ngày 04/3/2013, UBND tỉnh K có văn bản số 1062/UBND-KT thông báo đồng ý chủ trương thỏa thuận địa điểm đầu tư của Công ty TNHH Đ. Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, UBND tỉnh K đã tiến hành cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh và giao đất, cho thuê đất cho Công ty TNHH Đ không thông qua đấu giá, đấu thầu.

Theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2003, trong trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng làm mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê thì phải thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Tuy Công ty TNHH Đ xin đầu tư xây dựng “Khu tổ hợp Khách sạn và căn hộ du lịch cao cấp” với tiêu chuẩn 5 sao, nhưng Dự án này hoàn toàn không được thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo Luật Đất đai năm 2003, Dự án không thuộc diện Dự án phát triển kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP để Nhà nước thu hồi đất, giao cho chủ đầu tư thực hiện Dự án. Khi Luật Đất đai

năm 2013 có hiệu lực, Dự án cũng không thuộc vào diện các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế quy định tại Điều 62; việc thu hồi đất đối với khu đất 14.026,7m² của Công ty Cổ phần Đ1 sử dụng là trái Quyết định 86/2010/QĐ-TTg, vi phạm về hình thức xử lý nhà đất công sản. Khu đất của Công ty Cổ phần Đ1 thuộc diện phải xử lý di dời do ô nhiễm; trong các hình thức xử lý đất tại vị trí cũ, không có trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế theo quy định Luật Đất đai năm 2003; việc thu hồi đất đối với khu đất 6.109,2m² do Tổng Công ty Đ2 sử dụng để thực hiện Dự án Khu tổ hợp khách sạn và căn hộ cao cấp đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 121/2010/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Trong quá trình cho phép triển khai, thực hiện dự án tại số B T, thành phố N theo đề nghị của Công ty TNHH Đ, các bị cáo: (1) Nguyễn Chiến T, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh K; (2) Lê Đức V, nguyên Phó Chủ tịch, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh K; (3) Đào Công T1, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh K; (4) Võ Tấn T2, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K, nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K đã có nhiều sai phạm trong việc lựa chọn nhà đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh đối với dự án xây dựng nhà ở; thỏa thuận phương án kiến trúc; quy hoạch; quyết định thu hồi đất; quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng là vi phạm khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, Điều 22 Luật Nhà ở năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 5, khoản 1 và khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 3 Điều 1 Luật Đấu thầu năm 2013, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 137.740.168.200 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Chiến T, Lê Đức V, Đào Công T1, Võ Tấn T2 về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là đúng pháp luật.

Khu đất số B T, phường V, thành phố N là tài sản của Nhà nước đã bị chuyển dịch trái pháp luật bởi hành vi phạm tội của các bị cáo. Khu đất này được xác định là vật chứng của vụ án hình sự, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho UBND tỉnh K thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật để thu hồi và quản lý, sử dụng đã được giao cho Công ty TNHH Đ tại các Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 16/02/2016, Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh K là có căn cứ. Mặt khác, ngày 19/8/2024 UBND tỉnh K có Công văn số 463/UBND-XDND đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên nội dung quyết định: “Giao cho UBND tỉnh K thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật để thu hồi và quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất số B T”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty TNHH Đ.

Theo kết quả thanh tra ngày 17/5/2017 của Thanh tra Sở Xây dựng đối với việc

xây dựng công trình tại địa chỉ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Công ty TNHH Đ đã thi công xong 02 cọc thí nghiệm và 10 cọc khoan nhồi bê tông cốt thép, Công ty cũng đã nộp số tiền 75.929.779.800 đồng nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Tại phiên tòa, Công ty TNHH Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được tiếp tục thực hiện dự án, nhưng do việc giao đất, cho thuê đất và phê duyệt dự án có sai phạm như đã nhận định ở trên nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Để tránh tình trạng tiếp tục gây thất thoát tài sản của Nhà nước, lãng phí nguồn lực xã hội và thiệt hại ngày càng nặng nề do không thể khai thác được nguồn lợi từ thửa đất trong một thời gian dài; đồng thời tránh phát sinh vụ việc khiếu nại, khiếu kiện bức xúc, gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, an ninh, trật tự tại địa phương, sau khi thực hiện việc thu hồi thửa đất, UBND tỉnh K cần xem xét, nếu Công ty TNHH Đ có đủ các điều kiện để sử dụng đất, phát triển dự án theo đúng các quy định của pháp luật, quy hoạch, kế hoạch của địa phương, sẵn sàng và có đầy đủ năng lực để thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước thì có thể ưu tiên cho Công ty TNHH Đ tiếp tục thực hiện dự án sau khi hoàn thiện các thủ tục hành chính và nghĩa vụ tài chính theo quy định.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản, thấy rằng:

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS đề ngày 12/12/2022 của Hội đồng định giá cấp Bộ, thuộc Bộ T5 xác định: Giá trị quyền sử dụng đất và tiền thuê đất trả một lần của Dự án N Golden Gate (Khu A và Khu B theo Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh K) tại thời điểm ngày 16/02/2016 là 213.669.948.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền thuê đất 75.929.779.800 đồng Công ty TNHH Đ đã nộp thì số tiền gây thất thoát của Nhà nước được xác định là 137.740.168.200 đồng. Kết quả định giá nêu trên là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Việc Công ty TNHH Đ kháng cáo yêu cầu định giá lại nhưng không thuộc một trong các trường hợp phải định giá lại theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các nội dung, quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự. Cụ thể:

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh K thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật để thu hồi và quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất số B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã được giao, cho thuê đất cho Công ty TNHH Đ theo các Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 16/02/2016, Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Về trách nhiệm dân sự: tách các yêu cầu hoàn trả, yêu cầu bồi thường dân sự liên quan đến khu đất bị thu hồi của các cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có) để khởi kiện thành một vụ án khác, nếu có yêu cầu.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000340 ngày 08/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Công ty TNHH Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các nội dung, quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa (03)
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam B14, Quân khu 5 - Bộ Quốc phòng;
- Trại giam A2, Trại giam Z30D, Trại giam Xuân Phước - Bộ Công an;
- Bị cáo (TTG B14 tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tân Lập, phường Vạn Thắng, phường Phước Tân, phường Phước

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Chí Công

Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

